

GIÔ-SÉP LÀ “NGƯỜI CÓ NGHĨA”

Ma-thi-ơ (Matthew) 1:19

“Giô-sép chồng người, là người có nghĩa, chẳng muốn cho người mang xấu, bèn toan đem để nhẹm”
(Ἰωσήφ δὲ ὁ ἀνὴρ αὐτῆς, δίκαιος ὢν καὶ μὴ θέλων αὐτὴν δειγματίσαι, ἐβουλήθη λάθρᾳ ἀπολῦσαι αὐτήν)

Ý nghĩa sự ra đời của Chúa Jesus không thể tách rời khỏi bản chất con người và hành động của trinh nữ Ma-ri và Giô-sép. Đức Chúa Trời không chỉ sử dụng Ma-ri như một tác nhân để tham dự vào trong chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời nhưng bao gồm cả con người của Giô-sép. Giô-sép đóng vai trò quan trọng không kém trong việc dưỡng dục “Con Đức Chúa Trời” trong thời gian những năm đầu đời trên đất của Ngài. Đặc điểm đầu tiên Kinh Thánh mô tả con người của Giô-sép như sau: “Giô-sép là chồng của người [Ma-ri], là người có nghĩa” (Ἰωσήφ δὲ ὁ ἀνὴρ αὐτῆς, δίκαιος ὢν). Bản chất “có nghĩa” của ông ảnh hưởng hay chi phối đến hành động: “chẳng muốn cho người [Ma-ri] mang xấu, bèn toan đem để nhẹm” (ἐβουλήθη λάθρᾳ ἀπολῦσαι αὐτήν).

Việc Giô-sép muốn “để nhẹm” Ma-ri vì biết nàng mang thai Chúa Jesus xảy ra trong thời gian hai người đã hứa hôn với nhau.¹ Vì thế, khi khám phá Ma-ri mang thai, Giô-sép đã ở trong một tình thế vô cùng khó xử. Ly dị Ma-ri vì tội tà dâm không phải là sự chọn lựa cho Giô-sép nhưng là điều bắt buộc theo luật pháp để chàng bãi bỏ việc tiến tới hôn nhân với Ma-ri. Giô-sép đối diện giữa hai sự chọn lựa: (1) Giô-sép phải thông báo công khai về tình trạng tà dâm của Ma-ri vì nàng có thai. Điều này dẫn đến việc Ma-ri sẽ bị ném đá theo như đòi hỏi của luật pháp. Trong luật của La-mã (Roman law) lẫn truyền thống của Do-thái (Jewish tradition) minh định rất rõ ràng rằng sự công chính (làm theo luật pháp) đòi hỏi công bố công khai về trình trạng không chung thủy trong đời sống hôn nhân hầu cho bên phía vô tội không bị buộc tội đồng thuận hay che đậy tội lỗi trong dân sự; hoặc (2) Giô-sép phải ly dị Ma-ri cách âm thầm. Hành động như thế cho phép Giô-sép vẫn duy trì được sự công chính (làm theo luật pháp) nhưng cứu Ma-ri khỏi tình trạng xấu hổ và bị ném đá. Vì luật của La-mã lúc bấy giờ không cho phép việc ném đá, Giô-sép có thể chọn ly dị Ma-ri cách âm thầm với hai hay ba nhân chứng là đủ. Và Giô-sép toan tính chọn cách giải quyết này khi nghe tin Ma-ri mang thai Chúa Jesus.

¹ Phong tục cưới gả của người Do-thái trong thời gian này thường bao gồm hai giai đoạn trong mối quan hệ, hứa hôn (betroal/engagement) và thành hôn (marriage). Trong việc hứa hôn gồm có hai giai đoạn: (a) giai đoạn đầu tiên là thời gian chọn người phối ngẫu. Trong văn hoá Trung Cận Đông (Near Eastern culture), gia đình thường bắt đầu bằng việc sắp đặt của gia đình hai bên với nhau. Thông thường cha mẹ tìm vợ cho con trai (Sáng 21:21; 38:6). Tuổi trung bình cho việc này là khoảng từ 12 đến 13 tuổi, mặc dầu một số bản văn của các ra-bi (rabbinic texts) cho thấy người nam lập gia đình trong thời Chúa Jesus vào độ tuổi 18; (b) việc sắp đặt được chính thức (official arrangements) là giai đoạn kế tiếp. Trước mặt một số nhân chứng, người nam và người nữ bước vào sự kết ước chính thức với nhau. Đây là kết ước mang tính chất pháp lý, cho phép người nam có quyền trên người nữ. Kết ước này chỉ có thể bị huỷ bỏ bằng tiến trình ly dị hợp pháp. Danh xưng “chồng” và “vợ” được sử dụng cho hai người trong thời gian này. Đây chính là giai đoạn của mối quan hệ giữa Giô-sép và Ma-ri (Ma-thi-ơ 1:16, 19, 20, 24). Có một số bằng chứng tại xứ Giu-đê, trong giai đoạn này, đôi bạn đã hứa gả sống một mình trong gia đình bên chồng; trong xứ Ga-li-lê việc liên hệ tình dục của đôi bạn hứa hôn là không thể khoan nhượng, và người nữ không rời gia đình sống với người nam. Quan hệ tình dục ngoài hôn nhân chính thức trong giai đoạn hứa hôn được xem là phạm tội tà dâm và sẽ bị ném đá (Lê-vi ký 20:10; Phục truyền 22:23-24), mặc dầu trong thời Tân Ước việc ném đá lấy làm hiếm hoi. Nếu một trong hai người qua đời trong giai đoạn hứa hôn, người còn lại được xem là góa bụa (widow hay widower). Thông thường sau kết ước hứa hôn một năm, hai người sẽ chính thức làm lễ thành hôn (wedding). Tiệc cưới được tổ chức (Ma-thi-ơ 22:1-14; Thi 45:14-15). Cha mẹ đôi bên và bạn hữu đến để chúc phúc lành cho đôi bạn (Sáng 24:60; Tô-bít 7:13). Thông thường tiệc cưới tổ chức kéo dài khoảng một tuần lễ (Sáng 29:27; Tô-bít 8:20). Sau đó, cặp vợ chồng mới thiết lập mái ấm gia đình riêng; đôi khi họ cũng sống với đại gia đình của mình (extended family).

Trong đoạn 1 câu 19, Ma-thi-ơ sử dụng động từ “toan” như động từ chính (ἐβουλήθη) cùng với hai phân động từ (participles): “[ông] là” (ὢν) và “muốn” (θέλων) để mô tả bản chất và hành động của Giô-sép. Trong ngữ pháp Hi-văn, phân động từ (participles) được dùng tương đối đa dạng nhằm chuyển tải bản chất và ý hướng của hành động. Hầu hết các bản dịch Kinh Thánh trong tiếng Anh và tiếng Việt đều mô tả hai phân động từ trên mang *tính nhân quả* (causal participle) để giải thích cho lý do tại sao Giô-sép không muốn cho Ma-ri bị “mang xấu” nên muốn “đem dễ nhem.” Động từ “mang xấu” (δευγματίζω) được dịch sát nghĩa là “làm cho xấu hổ” (put her to shame).² Tính từ “có nghĩa” (δίκαιος) trong tiếng Việt dịch là “công chính” hay “công nghĩa” (righteous). Từ này được dùng áp dụng cho các công dân đương thời của thế giới Hi-La (Greco-Roman world). Người công chính là người ngay thẳng (upright), tuân thủ luật pháp (law-biding), thành thật (honest), tốt lành (good), công chính (just). Động từ “toan” (βούλομαι) diễn tả sự khao khát, mong muốn với mục đích để làm cho thỏa lòng Chúa.³ Cụm từ “dễ nhem” là sự kết hợp gồm trạng từ “bí mật” (λάθρα) và động từ “để” hay “giải thoát/cho ra đi tự do” (ἀπολύω).⁴ Cho nên, “toan dễ nhem” (ἐβουλήθη λάθρα ἀπολύσαι) có nghĩa là Giô-sép chỉ muốn để bỏ Ma-ri cách kín giấu. Chẳng muốn dập tắt mối quan hệ với Ma-ri và không muốn tiến đến hôn nhân hầu không làm mất danh giá của Ma-ri. Như thế, nếu dịch hai phân động từ trên (ὢν và θέλων) mang *tính nhân quả*, chúng ta có thể hiểu câu này như sau: vì Giô-sép là “người có nghĩa” (muốn tuân giữ luật pháp) không muốn làm cho Ma-ri, vợ hứa của mình bị sỉ nhục tố tụng và bị ném đá như là một người phạm tội tà dâm. Cho nên, Giô-sép muốn ly dị Ma-ri cách âm thầm để thỏa mãn phần nào sự đòi hỏi luật pháp Do-thái về sự ly dị.

Tuy nhiên, nếu như thế, hành động của Giô-sép chứa đựng sự nghịch lý trong chính nó. Chúng ta sẽ phải giải thích như thế nào về việc Giô-sép toan tính cho Ma-ri ra đi cách âm thầm mà vẫn thỏa mãn được sự đòi hỏi công chính của luật pháp? Điều đó chỉ có thể khi nào hai phân động từ trên (ὢν và θέλων) phải được dịch mang *tính khoan nhượng* (concessive participles) thay vì *tính nhân quả* (causal participles): “**mặc dầu** là người có nghĩa và không muốn cho nàng [Ma-ri] bị mang xấu, Giô-sép **vẫn** toan dễ nhem...” Như vậy, có sự tranh chiến rất lớn giữa sự đòi hỏi công chính của luật pháp và tình yêu hay lòng thương xót của Giô-sép đối với Ma-ri nên chẳng đã hành động như vậy. Giô-sép bằng lòng dễ cho tình yêu hay lòng thương xót thắng hơn sự đòi hỏi công chính của luật pháp Môi-se. Hay nói cách khác trong ngôn ngữ của Chúa Jesus, Giô-sép đã tìm cách “làm trọn luật pháp” của Môi-se bằng tình yêu hay lòng thương xót. Sự chiến thắng của tình yêu hay sự đòi hỏi của luật pháp đã được làm trọn trong con người của Giô-sép, nảy sang ra hành động. Đó chính là sứ mạng của Chúa Jesus đến trong trần gian mà trước giả Ma-thi-ơ muốn truyền đạt cho độc giả của mình (Ma-thi-ơ 5:17-18). Chỉ có tình yêu và lòng thương xót mới làm thỏa mãn sự đòi hỏi của luật pháp (Ma-thi-ơ 5:43-47). Khi đó chúng ta mới có thể phản ánh bản chất trọn vẹn của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:48).

Khi được thiên sứ truyền “người chớ ngại lấy Ma-ri làm vợ” (Ma-thi-ơ 1:20), Giô-sép sẵn sàng vâng phục ý muốn của Chúa cho đời sống của mình. Đó là một bước đi xa hơn trong đời sống của một “người có nghĩa.” Vì Giô-sép muốn sống cho Đức Chúa Trời nên Ngài đã ban cho chàng cơ hội để sống cao hơn trong con đường của đức công chính của Ngài. Đức Chúa Trời đã nhắc nhở con người của Giô-sép lên để chàng có thể sống vượt lên trên sự đoán xét ra từ sự hiểu biết thiên cận về luật pháp của Đức Chúa Trời trong nhãn quan của con người, bay vào thế giới khoáng khoáng của tình yêu và ân sủng của Ngài. Trong vùng trời rộng mở ấy, Giô-sép được hít thở không khí của tình yêu và ân sủng của Đức Chúa Trời

² Động từ δευγματίζω (“mang xấu”) chỉ được sử dụng hai lần trong toàn bộ Tân Ước (Ma-thi-ơ 1:19 và Cô-lô-se 2:15). Trong Cô-lô-se 2:15, “Ngài đã truất bỏ các quyền cai trị cùng các thế lực, dùng thập tự giá chiến thắng chúng nó, và nộp ra tố tụng giữa thiên hạ,” Phao-lô trình bày sự chiến thắng của thập tự giá, tức là sự chết của Chúa Jesus Christ trên cây thập tự đã huỷ phá toàn bộ thế lực của ma quỷ và tội ác và phơi bày chúng ra cách trần trụi cho cả thế gian đều biết.

³ Thông thường từ này được dùng để nói đến ý muốn của Đức Chúa Trời. Trong Tân Ước cũng như trong bản LXX, động từ này được dùng liên quan đến mạng lệnh mang thẩm quyền sứ đồ, nhấn mạnh đến ý muốn của Đức Chúa Trời Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Linh. (Gottlob Schrenk, “βούλομαι,” *Theological Dictionary of the New Testament* [Grand Rapids: Eerdmans Publishing Company, 1991], I:629-33).

⁴ Động từ ἀπολύω được hình thành bởi hai yếu tố: ἀπό “khỏi” (from) và λύω “buông thả” (loose).

hầu biến ông trở thành công cụ ích lợi trong tay của Ngài, đóng vai trò quan trọng trong sự dưỡng dục “Con Thánh” đến từ trời. Trước khi thế gian tội lỗi, trong đó bao gồm cả người Do-thái lẫn ngoại bang nếm biết ơn phước từ trời do chính Chúa Cứu Thế Jesus mang đến, Giô-sép là người được vinh dự nếm trải phước hạnh ngọt ngào đó, khiến ông trở nên tê cứng với tất cả lời chỉ trích cay nghiệt của con người khi họ áp dụng luật pháp của Chúa một chiều, nhưng làm cho ông đã trở nên nhạy cảm và đồng cảm với những cuộc đời bị nghi ngờ, hiểu lầm, và thậm chí bị chà đạp bởi lối sống công chính hẹp hòi, chẳng có chút lòng thương xót hay ân sủng của Đức Chúa Trời như người Pha-ri-si và thầy Thông giáo.

Trong sách Phúc âm Ma-thi-ơ, trước giả đưa độc giả ngay vào gia phả của Chúa Cứu Thế Jesus ra từ dòng dõi Áp-ra-ham, ông tổ đức tin của dân Do-thái, người Đức Chúa Trời kể là công bình khi ông chỉ tin Ngài mà thôi. Trong gia phả của Chúa Jesus, không chỉ bao gồm người Do-thái nhưng cả người ngoại bang, không chỉ người tốt lành và thiện hảo theo tiêu chuẩn của con người nhưng cả những con người tội lỗi và xấu xa như kỹ nữ Ra-háp, Tha-ma... Để rồi từ đó Ma-thi-ơ giới thiệu con người của Giô-sép cho độc giả của ông. Nhưng ngay chính trong Giô-sép là “người có nghĩa” đó cũng từ bỏ lối sống đòi hỏi chỉ theo luật pháp để hoà hợp giữa luật pháp và tình yêu hầu làm trọn luật pháp.

Ý tưởng về sự công nghĩa chạy xuyên suốt trong sách Phúc âm Ma-thi-ơ vì trước giả muốn trình bày Chúa Jesus ra từ dòng dõi Áp-ra-ham, người được Đức Chúa Trời xưng là công bình. Chúa Jesus đến để làm trọn luật pháp. Giô-sép được trình bày mở đầu của sách Ma-thi-ơ như là một con người làm trọn luật pháp trong tinh thần Cựu Ước. Nhưng khi đón nhận sự ra đời của Chúa Jesus, Giô-sép đã làm trọn luật pháp của Môi-se trong Cựu Ước theo chiều kích sâu xa và mới mẻ hơn:

Sự công chính (righteousness) + Tình yêu (love/mercy) = Sự làm trọn Luật pháp

Sự đến của Chúa Jesus dẫn con người vào trong một con đường mới và ban cho con người một nhìn đầy đủ hơn về Đức Chúa Trời. Qua bài giảng trên núi, Chúa Jesus kết hợp giữa luật pháp và ân sủng (Ma-thi-ơ 5:17-6:14). Sự đòi hỏi của Tân Ước trở nên hơn sự đòi hỏi của Cựu Ước (Ma-thi-ơ 5:20). Sự ra đời của Chúa Jesus đã thay đổi sự hiểu biết của con người về ân sủng của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước. Nó cung ứng cho chúng ta nguyên tắc sống mới để làm thoả mãn sự đòi hỏi luật pháp của Đức Chúa Trời. Chúng ta chỉ có thể sống nguyên tắc đó khi nào có sự hiện diện của Đấng Christ trong đời sống. Chính Ngài được sứ đồ Giăng giới thiệu rất rõ ràng: “... ơn [grace] và lẽ thật [truth] bởi Đức Chúa Jesus Christ mà đến” (ἡ χάρις καὶ ἡ ἀλήθεια διὰ Ἰησοῦ Χριστοῦ ἐγένετο) (Giăng 1:14b).

Chúa Jesus (fulfillment of the law) = lẽ thật (truth/righteousness) + ân sủng (grace/mercy)

Trong Cựu Ước, sự cứu rỗi chỉ dành riêng cho dân Do-thái là tuyển dân của Đức Chúa Trời. Sang Tân Ước, Phúc âm Ma-thi-ơ đã mở đầu bằng thái độ đầy ân sủng của Đức Chúa Trời để ôm chặt lấy dân Do-thái lẫn người ngoại bang tội lỗi. Và Phúc âm Ma-thi-ơ đã kết thúc bằng Đại Mạng Lệnh của Chúa Jesus: “Vậy, hãy đi dạy dỗ *muôn dân*,⁵ hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp tem cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi” (Ma-thi-ơ 28:19). Ma-thi-ơ cho thấy trong chương trình cứu rỗi của Ngài, bởi sự công chính và lòng thương xót của Ngài, Đức Chúa Trời đang rộng vòng tay từ ái của Ngài ôm chặt mọi dân tộc, đặc biệt là dân ngoại bang.⁶ Đó là chính là **ơn phước cho trần gian** mà Lu-ca đã ký thuật lại trong lời rao báo của thiên sứ cho các gã mục đồng trên triền núi Bết-lê-hem khi Chúa Jesus ra đời: “Vì này, ta báo cho các ngươi một Tin Lành, sẽ là một sự vui

⁵ Chữ nghiêng do tác giả bài viết muốn nhấn mạnh.

⁶ Ma-thi-ơ sử dụng từ ἔθνος (nation) trong số nhiều (các “quốc gia”) để chỉ về các dân tộc, đặc biệt là *dân ngoại bang mà thôi* (ngoài dân Do-thái). Nhờ Chúa Cứu Thế Jesus mà lời hứa của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham được ứng nghiệm bao gồm cả dân ngoại bang. Như sứ đồ Phao-lô nói: “Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rửa sả của luật pháp, bởi Ngài đã nên sự rửa sả vì chúng ta, vì có lời chép: Đấng rửa thay là kẻ bị treo trên cây gỗ, hầu cho phước lành ban cho Áp-ra-ham nhờ Đức Chúa Jêsus Christ mà được rải khắp trên *dân ngoại* [chữ nghiêng do tác giả bài viết. Phao-lô dùng cùng từ ἔθνος để chỉ về dân ngoại bang], lại hầu cho chúng ta cậy đức tin mà nhận lãnh Đức Thánh Linh đã hứa cho” (Ga-la-ti 3:14-15).

mừng lớn cho *muôn dân*;⁷ ấy là hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các người một Đấng Cứu Thế, là Christ, là Chúa” (Lu-ca 2:10b-11).⁸

*Mục sư Trần Trọng Nha
Viện Thần Học Liên Hiệp
(Alliance Theological College)*

⁷ Chữ nghiêng do tác giả bài viết muốn nhấn mạnh.

⁸ Lu-ca sử dụng từ *λαός* (people) trong số nhiều (các “dân tộc”) để chỉ về các dân tộc, trong đó bao gồm cả *người Do-thái lẫn dân ngoại bang*.